

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN**  
**ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /12/2025*  
*của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa)*

STT	Số Chứng chỉ	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú
<b>I. Cấp lần đầu</b>				
1	KH-25.00001	NGUYỄN THỊ TUYẾT ÁI	10/07/1989	Khánh Hoà
2	KH-25.00002	LÊ THÀNH AN	02/06/1992	Khánh Hoà
3	KH-25.00003	VÕ DUY AN	03/06/1984	Khánh Hoà
4	KH-25.00004	NGUYỄN QUỲNH HỒNG NGỌC ANNA	16/08/1989	Khánh Hoà
5	KH-25.00005	NGUYỄN THẾ ANH	26/09/1990	Quảng Ngãi
6	KH-25.00006	BÙI TUẤN ANH	30/04/1991	Khánh Hoà
7	KH-25.00007	ĐÌNH CẨM TÚ ANH	22/12/1993	Khánh Hoà
8	KH-25.00008	ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN	21/01/1979	Khánh Hoà
9	KH-25.00009	NGUYỄN TUẤN ANH	28/08/1988	Hà Nội
10	KH-25.00010	NGUYỄN QUỐC ANH	19/09/1995	Khánh Hoà
11	KH-25.00011	NGÔ THỊ VÂN ANH	25/07/1991	Bình Định (nay là Gia Lai)
12	KH-25.00012	ĐỖ QUỲNH ANH	13/11/2000	Khánh Hoà
13	KH-25.00013	NGUYỄN TRUNG ANH	31/01/2001	Khánh Hoà
14	KH-25.00014	TÔ QUỲNH ANH	28/06/2000	Khánh Hoà
15	KH-25.00015	NGUYỄN DUY ANH	03/09/1990	TP Hồ Chí Minh
16	KH-25.00016	PHẠM THỊ THU ANH	13/05/1988	Trà Vinh (nay là Vĩnh Long)
17	KH-25.00017	NGÔ THỊ NGỌC ANH	24/08/1997	Khánh Hoà
18	KH-25.00018	NGUYỄN NGỌC NHẬT ANH	16/08/2002	Khánh Hoà
19	KH-25.00019	NGUYỄN HỒNG AN	18/08/2000	Khánh Hoà
20	KH-25.00020	NGUYỄN HOÀI AN	14/05/1982	Khánh Hoà
21	KH-25.00021	TRIỆU THANH BÀNG	07/11/1980	Khánh Hoà
22	KH-25.00022	TRẦN HOÀNG BẢO	24/10/1994	Khánh Hoà
23	KH-25.00023	NGUYỄN THANH BẢO	26/06/2001	Long An (nay là Tây Ninh)
24	KH-25.00024	ĐÌNH CÔNG BÀNG	15/10/1995	Khánh Hoà
25	KH-25.00025	NGUYỄN THỊ THANH BÍCH	14/10/1979	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
26	KH-25.00026	LƯU THỊ BÌNH	11/04/1968	Khánh Hoà
27	KH-25.00027	NGUYỄN VĂN BÌNH	07/10/1984	Khánh Hoà
28	KH-25.00028	ĐÌNH VĂN BÌNH	03/05/1981	Khánh Hoà
29	KH-25.00029	HOÀNG VĂN BÌNH	16/08/1984	Khánh Hoà
30	KH-25.00030	TRẦN MINH CẢNH	29/08/1994	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
31	KH-25.00031	PHẠM THỊ THU CÚC	02/09/1991	Khánh Hoà

32	KH-25.00032	ĐỖ VĂN CỬ	20/07/1991	Thanh Hóa
33	KH-25.00033	NGUYỄN CƯỜNG	05/08/1992	Huế
34	KH-25.00034	VŨ MẠNH CƯỜNG	26/04/1991	Khánh Hoà
35	KH-25.00035	TRIỆU PHI HÙNG CƯỜNG	26/08/1988	Khánh Hoà
36	KH-25.00036	MAI TẤN CƯỜNG	24/07/1992	Khánh Hoà
37	KH-25.00037	MAI VĂN CƯỜNG	02/07/1998	Thanh Hoá
38	KH-25.00038	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	03/10/1990	Khánh Hoà
39	KH-25.00039	LÊ NGỌC CƯỜNG	04/09/1990	Khánh Hoà
40	KH-25.00040	ĐỖ NGỌC CHÀM	07/08/1993	Đăk Lăk
41	KH-25.00041	NGUYỄN NHƯ PHÚC CHÂN	27/11/1990	Khánh Hoà
42	KH-25.00042	TRƯƠNG THỊ KIM CHÂU	06/03/1991	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
43	KH-25.00043	HOÀNG THỊ NGỌC CHÂU	20/03/1988	Khánh Hoà
44	KH-25.00044	PHAN NGUYỄN BẢO CHÂU	28/12/2003	Bến Tre (nay là Vĩnh Long)
45	KH-25.00045	ĐẶNG PHẠM HÀ CHÂU	25/10/2005	Khánh Hoà
46	KH-25.00046	VÕ TIẾN CHÂU	14/11/1985	Khánh Hoà
47	KH-25.00047	LÊ THỊ MINH CHÂU	10/12/1982	Khánh Hoà
48	KH-25.00048	LÊ NGỌC CHÂU	06/02/1992	Khánh Hoà
49	KH-25.00049	NGUYỄN THỊ BÍCH CHI	15/04/1986	Khánh Hoà
50	KH-25.00050	LÊ MAI CHI	07/11/1979	Khánh Hoà
51	KH-25.00051	PHAN CẨM CHI	31/01/1999	Khánh Hoà
52	KH-25.00052	PHẠM THỊ LỆ CHI	17/05/1994	Khánh Hoà
53	KH-25.00053	NGUYỄN TRỌNG CHINH	02/03/1987	Hà Tĩnh
54	KH-25.00054	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	15/12/2000	Khánh Hoà
55	KH-25.00055	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	07/05/1990	Khánh Hoà
56	KH-25.00056	LÊ CHUẨN	21/07/1985	Khánh Hoà
57	KH-25.00057	VÕ THỊ KIM CHUNG	25/10/1995	Khánh Hoà
58	KH-25.00058	PHẠM THỊ HỒNG CHUNG	05/04/1995	Đăk Lăk
59	KH-25.00059	PHẠM THẾ CHUNG	28/11/1986	Hà Nội
60	KH-25.00060	HUYỄN MINH CHƯƠNG	24/07/1990	Khánh Hoà
61	KH-25.00061	ĐÌNH TRƯỜNG DANH	17/07/1996	Khánh Hoà
62	KH-25.00062	VÕ THỊ MỸ DÂN	11/05/1997	Khánh Hoà
63	KH-25.00063	PHẠM THUÝ DÂN	20/04/1990	Khánh Hoà
64	KH-25.00064	TRƯƠNG THỊ THẢO DI	25/09/1980	TP Hồ Chí Minh
65	KH-25.00065	VÕ THỊ NGỌC DIỄM	17/02/1991	Khánh Hoà
66	KH-25.00066	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	27/09/1992	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
67	KH-25.00067	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	06/04/1993	Khánh Hoà
68	KH-25.00068	THÓNG HỀNH DÌN	26/04/1998	Đồng Nai

69	KH-25.00069	PHAN NGỌC DUẤN	06/02/1994	Thái Bình (nay là Hưng Yên)
70	KH-25.00070	VŨ THỊ THUY DUNG	21/03/2001	Khánh Hoà
71	KH-25.00071	ĐÀO THỊ KIM DUNG	26/03/1985	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
72	KH-25.00072	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	04/02/1995	Quảng Ngãi
73	KH-25.00073	VÕ THỊ THUY DUNG	07/03/1979	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
74	KH-25.00074	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	06/09/1984	Khánh Hoà
75	KH-25.00075	HUỲNH THỊ KIM DUNG	20/09/1986	Đăk Lăk
76	KH-25.00076	LÊ THỊ NGỌC DUNG	13/03/1995	Khánh Hoà
77	KH-25.00077	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	08/08/1986	Đăk Lăk
78	KH-25.00078	VŨ THỊ THUY DUNG	10/11/1991	Khánh Hoà
79	KH-25.00079	KHUẤT ANH DŨNG	10/10/1988	Hà Nội
80	KH-25.00080	ĐINH TUẤN DŨNG	08/10/1981	Khánh Hoà
81	KH-25.00081	CHU MẠNH DŨNG	14/10/1987	Khánh Hoà
82	KH-25.00082	PHẠM XUÂN DŨNG	03/02/1993	Khánh Hoà
83	KH-25.00083	TRẦN HÙNG DŨNG	16/08/1986	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
84	KH-25.00084	LÊ VĂN DŨNG	11/10/1997	Khánh Hoà
85	KH-25.00085	PHẠM ĐỨC DŨNG	08/05/1976	Hà Nội
86	KH-25.00086	NGÔ ANH DŨNG	18/01/1996	Khánh Hoà
87	KH-25.00087	TRẦN TUẤN DŨNG	01/07/1989	Khánh Hoà
88	KH-25.00088	ĐOÀN TRUNG DŨNG	21/08/1964	TP Hồ Chí Minh
89	KH-25.00089	NGUYỄN QUANG DŨNG	08/08/1990	Khánh Hoà
90	KH-25.00090	TRẦN ANH DUY	08/08/1988	Khánh Hoà
91	KH-25.00091	TRẦN LÊ DUY	26/04/1988	Khánh Hoà
92	KH-25.00092	HỒ NGỌC DUY	28/04/1988	Khánh Hoà
93	KH-25.00093	NGUYỄN TƯỜNG DUY	01/02/1982	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
94	KH-25.00094	HÀNG LÊ VĂN DUY	01/07/1991	Khánh Hoà
95	KH-25.00095	PHAN TƯỜNG DUY	14/08/1988	Quảng Ngãi
96	KH-25.00096	NGUYỄN PHẠM DUY	03/07/1998	Khánh Hoà
97	KH-25.00097	VÕ THỊ DUYÊN	13/02/1985	Khánh Hoà
98	KH-25.00098	HỒ THỊ MỸ DUYÊN	20/04/1994	Khánh Hoà
99	KH-25.00099	PHAN THUY DUYÊN	20/11/1989	Khánh Hoà
100	KH-25.00100	TRƯƠNG THỊ ÁI DUYÊN	25/01/1984	Khánh Hoà
101	KH-25.00101	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	14/04/1994	Khánh Hoà
102	KH-25.00102	HUỲNH THỊ BÍCH DUYÊN	01/07/1970	Khánh Hoà
103	KH-25.00103	TRẦN THỊ DƯƠNG	23/09/1994	Khánh Hoà
104	KH-25.00104	TRẦN THỊ ÁNH DƯƠNG	28/05/1985	Khánh Hoà
105	KH-25.00105	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	08/05/1969	Khánh Hoà

106	KH-25.00106	LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	09/10/1989	Khánh Hoà
107	KH-25.00107	NGUYỄN TÔNG TRUNG DƯƠNG	03/04/1983	Quảng Trị
108	KH-25.00108	NGÔ DUY DƯƠNG	03/03/1983	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
109	KH-25.00109	LÊ MINH ĐẠI	12/11/1985	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
110	KH-25.00110	NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO	01/10/1986	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
111	KH-25.00111	LÊ BÁ ĐẠT	06/10/1996	Khánh Hoà
112	KH-25.00112	LÊ PHƯỚC ĐẠT	04/08/1978	Khánh Hoà
113	KH-25.00113	BÙI NGUYỄN MẠNH ĐẠT	24/09/1998	Khánh Hoà
114	KH-25.00114	LẠI ĐẶNG	04/09/1985	Khánh Hoà
115	KH-25.00115	TRẦN THỊ ĐIỆM	26/02/1978	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
116	KH-25.00116	BÙI THỊ ĐIỆP	22/08/1987	Khánh Hoà
117	KH-25.00117	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	16/04/1995	Lâm Đồng
118	KH-25.00118	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	24/03/1993	TP Hồ Chí Minh
119	KH-25.00119	NGUYỄN THU ĐOAN	08/08/1997	Khánh Hoà
120	KH-25.00120	NGUYỄN THÀNH ĐÔ	06/02/1989	Khánh Hoà
121	KH-25.00121	PHẠM XUÂN ĐÔNG	05/05/1993	Khánh Hoà
122	KH-25.00122	NGUYỄN NGÔ ĐÔNG	02/09/1986	Hà Nội
123	KH-25.00123	CÙ NGỌC ĐỨC	07/10/1975	TP Hồ Chí Minh
124	KH-25.00124	LƯU MINH ĐỨC	10/06/1981	Hà Nội
125	KH-25.00125	TRẦN TRỌNG ĐỨC	02/04/1983	Khánh Hoà
126	KH-25.00126	LÊ MINH ĐỨC	03/07/1977	Hà Nội
127	KH-25.00127	ĐẶNG TẤN ĐỨC	06/03/1975	Khánh Hoà
128	KH-25.00128	LÊ HỮU THÀNH ĐỢC	10/05/1994	Khánh Hoà
129	KH-25.00129	TRẦN NGUYỄN ĐƯƠNG	01/12/1990	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
130	KH-25.00130	BÙI LÊ PHƯỢNG GIANG	02/03/1982	Khánh Hoà
131	KH-25.00131	VŨ THỊ TUYẾT GIANG	28/04/1988	Khánh Hoà
132	KH-25.00132	BÙI VĂN GIÁP	10/06/1987	Hà Nội
133	KH-25.00133	TRẦN THỊ THU HÀ	07/11/1991	Hà Nội
134	KH-25.00134	NGUYỄN THỊ LỆ HÀ	13/12/1984	Quảng Nam (nay là Đà Nẵng)
135	KH-25.00135	NGUYỄN MINH HÀ	26/09/1991	Hà Nội
136	KH-25.00136	NGUYỄN QUỐC HÀ	17/08/1994	Khánh Hoà
137	KH-25.00137	ĐẶNG THỊ MỸ HÀ	20/09/1980	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
138	KH-25.00138	NGUYỄN THỊ HÀ	02/05/1976	Khánh Hoà
139	KH-25.00139	HỒ VĂN HÀ	05/09/1985	Khánh Hoà
140	KH-25.00140	LÊ MINH HÀ	11/11/1991	Khánh Hoà

141	KH-25.00141	ĐINH THỊ HƯƠNG HỒNG HÀ	19/12/1990	Đồng Nai
142	KH-25.00142	NGUYỄN TẤN HÀ	17/04/1976	Khánh Hoà
143	KH-25.00143	NGUYỄN THANH HẢI	15/08/1988	Khánh Hoà
144	KH-25.00144	PHẠM ĐỨC HẢI	03/11/1987	Khánh Hoà
145	KH-25.00145	NGUYỄN TRUNG HẢI	21/04/1994	Khánh Hoà
146	KH-25.00146	VƯƠNG SƠN HẢI	13/09/1985	Quảng Ninh
147	KH-25.00147	NGUYỄN MINH HẢI	01/02/1986	Bình Định (nay là Gia Lai)
148	KH-25.00148	PHẠM THANH HẢI	14/06/1986	Đồng Nai
149	KH-25.00149	NGUYỄN DUY HẢI	27/12/1980	Khánh Hoà
150	KH-25.00150	NGUYỄN THỊ THU HẢI	19/08/1987	Khánh Hoà
151	KH-25.00151	NGÀN THỊ MỸ HẠNH	07/08/1995	Sơn La
152	KH-25.00152	ĐÀO THỊ BÍCH HẠNH	20/08/1991	Khánh Hoà
153	KH-25.00153	NGUYỄN THỊ HẠNH	12/03/1994	Khánh Hoà
154	KH-25.00154	LÊ THỊ HẠNH	20/03/1985	Khánh Hoà
155	KH-25.00155	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	12/10/1984	Lâm Đồng
156	KH-25.00156	HUYỀN THỊ HẠNH	22/01/1991	Khánh Hoà
157	KH-25.00157	LÊ THỊ HẢO	01/05/1986	Khánh Hoà
158	KH-25.00158	NGUYỄN VĂN HÂN	06/01/1990	TP Hồ Chí Minh
159	KH-25.00159	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	09/06/1990	Khánh Hoà
160	KH-25.00160	NGUYỄN LÊ HÂN	12/12/1989	Khánh Hoà
161	KH-25.00161	PHẠM THỊ HẬU	07/12/1983	Khánh Hoà
162	KH-25.00162	TRẦN THỊ HIỀN	26/12/1975	Khánh Hoà
163	KH-25.00163	ĐỖ THỊ HIỀN	08/10/1990	Khánh Hoà
164	KH-25.00164	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	27/02/1983	Khánh Hoà
165	KH-25.00165	CAO THỊ HIỀN	03/7/1977	Khánh Hoà
166	KH-25.00166	VÕ THỊ THU HIỀN	04/04/1984	Khánh Hoà
167	KH-25.00167	NGUYỄN PHAN LAN HIỀN	11/08/1991	Khánh Hoà
168	KH-25.00168	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	27/01/1991	Khánh Hoà
169	KH-25.00169	TRẦN THỊ THU HIỀN	18/06/1983	Khánh Hoà
170	KH-25.00170	LÊ THỊ THANH HIỆP	05/09/1983	Khánh Hoà
171	KH-25.00171	LÊ XUÂN HIỆP	08/01/1984	Bình Định (nay là Gia Lai)
172	KH-25.00172	PHẠM TUẤN HIỆP	25/12/1995	Khánh Hoà
173	KH-25.00173	NGUYỄN THANH HIỆP	22/06/1998	Khánh Hoà
174	KH-25.00174	NGUYỄN NGỌC HIỆP	23/10/1989	Khánh Hoà
175	KH-25.00175	NGUYỄN THỊ HIỆP	14/04/1990	Khánh Hoà
176	KH-25.00176	TRẦN NGỌC HIỆP	18/04/1996	Khánh Hoà
177	KH-25.00177	NGUYỄN THỊ MỸ HIỆP	17/04/1994	Khánh Hoà
178	KH-25.00178	LƯƠNG NGUYỄN BÍCH HIẾU	12/10/1991	Hà Nội

179	KH-25.00179	ĐẶNG HOÀNG PHI HIẾU	05/11/1992	Khánh Hoà
180	KH-25.00180	TẠ ĐÌNH HIẾU	04/12/1994	Đăk Lăk
181	KH-25.00181	VÕ THỊ XUÂN HIẾU	06/09/1995	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
182	KH-25.00182	LÊ NGỌC HIẾU	18/07/1991	Khánh Hoà
183	KH-25.00183	HUỶNH ĐỨC HIẾU	15/07/1991	Khánh Hoà
184	KH-25.00184	TRỊNH MINH HIẾU	07/12/1995	Khánh Hoà
185	KH-25.00185	NGUYỄN HOÀNG XUÂN HIẾU	01/02/1998	Khánh Hoà
186	KH-25.00186	TRẦN HỮU HIẾU	01/01/1994	Khánh Hoà
187	KH-25.00187	NGUYỄN THỊ BÍCH HOA	23/10/1985	Hà Nội
188	KH-25.00188	TRẦN THỊ MINH HOA	16/07/1970	Khánh Hoà
189	KH-25.00189	LƯƠNG THỊ KIM HOA	04/02/2000	Khánh Hoà
190	KH-25.00190	PHAN VĂN HÒA	12/07/1990	Khánh Hoà
191	KH-25.00191	NGUYỄN NGỌC HÒA	19/02/1991	Khánh Hoà
192	KH-25.00192	VÕ XUÂN HÒA	19/03/1995	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
193	KH-25.00193	NGUYỄN VĂN HOÀN	12/02/1986	Khánh Hoà
194	KH-25.00194	KHUẤT ĐĂNG HOÀN	13/11/1994	Hà Nội
195	KH-25.00195	PHÙNG HUY HOÀNG	05/11/1993	Khánh Hoà
196	KH-25.00196	PHẠM XUÂN HOÀNG	28/01/1998	Khánh Hoà
197	KH-25.00197	ĐẶNG MINH HOÀNG	25/05/1999	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
198	KH-25.00198	ĐÌNH LÊ HOÀNG	20/03/2000	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
199	KH-25.00199	TRẦN THỊ HỒNG	20/02/1992	Khánh Hoà
200	KH-25.00200	TRẦN THỊ HỒNG	18/03/1986	Đăk Lăk
201	KH-25.00201	TRẦN THỊ HỒNG	29/10/1993	Khánh Hoà
202	KH-25.00202	VÕ NGỌC HỒNG	14/07/1998	Khánh Hoà
203	KH-25.00203	NGUYỄN THỊ HỒNG	02/08/1981	Khánh Hoà
204	KH-25.00204	NGUYỄN THÀNH HUẤN	05/06/1987	Khánh Hoà
205	KH-25.00205	PHẠM VĂN HÙNG	26/06/1966	Khánh Hoà
206	KH-25.00206	TRƯƠNG HÙNG	18/06/1981	Khánh Hoà
207	KH-25.00207	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	20/10/1980	Khánh Hoà
208	KH-25.00208	LƯƠNG NGỌC HÙNG	10/10/2001	Khánh Hoà
209	KH-25.00209	NGUYỄN CHÍ HÙNG	18/11/1992	Khánh Hoà
210	KH-25.00210	PHẠM QUỐC HUY	18/03/1988	Khánh Hoà
211	KH-25.00211	LÊ NGUYỄN MINH HUY	20/12/1999	Khánh Hoà
212	KH-25.00212	LÝ QUỐC HUY	15/12/1994	Khánh Hoà
213	KH-25.00213	TRẦN THÁI HUY	16/07/2000	Khánh Hoà
214	KH-25.00214	PHAN PHÚC HUY	29/10/1993	Khánh Hoà
215	KH-25.00215	HÀ QUANG HUY	08/10/1995	Đăk Lăk

216	KH-25.00216	NGUYỄN VĂN HUY	05/06/1995	Vĩnh Phúc (nay là Phú Thọ)
217	KH-25.00217	VŨ QUANG HUY	15/05/2000	Khánh Hoà
218	KH-25.00218	NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/06/1985	Khánh Hoà
219	KH-25.00219	PHAN THỊ THU HUYỀN	28/09/1997	Khánh Hoà
220	KH-25.00220	LÊ THỊ THU HUYỀN	10/01/1990	Khánh Hoà
221	KH-25.00221	NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN	24/01/1983	Đồng Nai
222	KH-25.00222	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG HUYỀN	07/07/1991	Khánh Hoà
223	KH-25.00223	NGUYỄN PHƯỚC BẢO HÙNG	02/04/1983	Khánh Hoà
224	KH-25.00224	LÊ TRỌNG HÙNG	28/04/2001	Khánh Hoà
225	KH-25.00225	NGUYỄN NGỌC HÙNG	31/08/1990	Khánh Hoà
226	KH-25.00226	NGUYỄN NGỌC HÙNG	15/12/1981	Khánh Hoà
227	KH-25.00227	HUYỀN DUY HÙNG	20/11/1988	Khánh Hoà
228	KH-25.00228	NGUYỄN CÔNG HÙNG	18/10/1993	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
229	KH-25.00229	TỔNG KIM HÙNG	16/02/1977	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
230	KH-25.00230	NGUYỄN VĂN HÙNG	09/02/1991	Khánh Hoà
231	KH-25.00231	VŨ NGỌC HÙNG	29/06/1994	Bình Phước (nay là Đồng Nai)
232	KH-25.00232	HOÀNG THỊ HƯƠNG	02/04/1993	Khánh Hoà
233	KH-25.00233	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	12/08/1978	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
234	KH-25.00234	LÊ THỊ HƯƠNG	03/09/1979	Khánh Hoà
235	KH-25.00235	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	19/10/1985	Khánh Hoà
236	KH-25.00236	NGUYỄN NỮ THIÊN HƯƠNG	12/10/1987	Khánh Hoà
237	KH-25.00237	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	09/03/1987	Khánh Hoà
238	KH-25.00238	VŨ THỊ HƯƠNG	26/12/1984	Khánh Hoà
239	KH-25.00239	VÕ THỊ MAI HƯƠNG	21/02/1996	Bình Định (nay là Gia Lai)
240	KH-25.00240	LÊ THỊ HƯƠNG	09/01/1994	Đắk Lắk
241	KH-25.00241	PHẠM THỊ HƯỜNG	12/03/1989	Ninh Bình
242	KH-25.00242	ĐẶNG TUẤN KIẾT	19/12/1992	Khánh Hoà
243	KH-25.00243	VÕ THỊ THÚY KIỀU	13/06/1990	Khánh Hoà
244	KH-25.00244	NGUYỄN THỊ KIM	27/06/1990	Khánh Hoà
245	KH-25.00245	VÕ THỊ BÍCH KIM	15/04/1993	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
246	KH-25.00246	NGUYỄN BÁ KHA	28/07/1991	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
247	KH-25.00247	ĐÀO VĂN KHAI	20/10/1977	Khánh Hoà

248	KH-25.00248	PHÙNG THÁI KHANG	29/10/1993	Nghệ An
249	KH-25.00249	VÕ PHÚC KHANG	11/08/1999	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
250	KH-25.00250	VÕ ĐÌNH KHANG	28/01/1995	Khánh Hoà
251	KH-25.00251	NGUYỄN THỊ KHÁNH	19/08/1980	Khánh Hoà
252	KH-25.00252	LÊ KHÁNH	24/06/1987	TP Hồ Chí Minh
253	KH-25.00253	ĐÀO VĂN KHIẾN	18/09/1979	Khánh Hoà
254	KH-25.00254	TRẦN NHƯ KHOA	16/04/1986	TP Hồ Chí Minh
255	KH-25.00255	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	25/05/1988	Đà Nẵng
256	KH-25.00256	ĐOÀN THẾ KHOA	22/12/1996	Khánh Hoà
257	KH-25.00257	ĐOÀN MINH KHOA	05/12/1994	Đăk Lăk
258	KH-25.00258	TRẦN THỊ KHUYÊN	27/02/1983	Hải Phòng
259	KH-25.00259	TRẦN HỒ QUỲNH KHUYÊN	06/04/1993	Khánh Hoà
260	KH-25.00260	BÁO CHÍ KHƯƠNG	18/07/1993	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
261	KH-25.00261	LƯƠNG THỊ LÀI	11/08/1996	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
262	KH-25.00262	ĐÀO THỊ BÍCH LÀI	14/04/2001	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
263	KH-25.00263	PHAN HOÀNG LAM	06/06/1995	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
264	KH-25.00264	PHẠM THỨC LAM	05/01/1978	TP Hồ Chí Minh
265	KH-25.00265	TRẦN VĂN LAM	15/06/1994	Khánh Hoà
266	KH-25.00266	NGUYỄN THỊ KIM LAN	01/08/1989	Khánh Hoà
267	KH-25.00267	NGUYỄN THỊ KIM LAN	15/11/1986	Khánh Hoà
268	KH-25.00268	HỒ THỊ TUYẾT LAN	12/11/1988	Khánh Hoà
269	KH-25.00269	BÙI NGUYỄN LÂM	18/12/1999	Khánh Hoà
270	KH-25.00270	LÊ SINH LÂM	12/04/1989	Khánh Hoà
271	KH-25.00271	ĐÌNH HOÀI LÂN	27/07/1987	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
272	KH-25.00272	PHẠM BÁ LÂN	06/02/1995	Khánh Hoà
273	KH-25.00273	VÕ THỊ DIỆU LÊ	18/09/1983	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
274	KH-25.00274	BÙI THỊ KIM LIÊN	07/02/1990	Khánh Hoà
275	KH-25.00275	NGUYỄN THỊ THÁI LIÊN	13/01/1990	Khánh Hoà
276	KH-25.00276	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	18/08/1993	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
277	KH-25.00277	NGUYỄN THỊ LIÊN	24/04/1986	Khánh Hoà
278	KH-25.00278	ĐOÀN THỊ MỸ LIÊN	22/02/1989	Khánh Hoà
279	KH-25.00279	NGUYỄN THỊ LIÊU	20/06/1981	Khánh Hoà
280	KH-25.00280	PHẠM THỊ THUYẾT LINH	16/02/1998	Hải Phòng

281	KH-25.00281	VÕ CHÍ LINH	10/03/1999	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
282	KH-25.00282	TRẦN NGỌC HOÀI LINH	16/10/1988	Khánh Hoà
283	KH-25.00283	PHẠM THUỶ LINH	05/05/1993	Khánh Hoà
284	KH-25.00284	NGUYỄN THỊ CẨM LINH	13/04/1994	Khánh Hoà
285	KH-25.00285	LÊ TUẤN LINH	07/03/1991	TP Hồ Chí Minh
286	KH-25.00286	HUỶNH THỊ LINH	04/11/1998	Khánh Hoà
287	KH-25.00287	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	16/10/1993	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
288	KH-25.00288	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	16/12/1983	Khánh Hoà
289	KH-25.00289	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	28/03/1985	Khánh Hoà
290	KH-25.00290	LƯƠNG THỊ LOAN	08/11/1978	Khánh Hoà
291	KH-25.00291	NGUYỄN THỊ LOAN	05/10/1989	Khánh Hoà
292	KH-25.00292	LÊ VĂN LONG	01/05/2000	Lâm Đồng
293	KH-25.00293	NGUYỄN THÀNH LONG	01/01/1989	Tiền Giang (nay là Đồng Tháp)
294	KH-25.00294	PHAN THÀNH LONG	29/09/1993	Khánh Hoà
295	KH-25.00295	VŨ NAM LONG	24/03/1983	Hà Nội
296	KH-25.00296	NGUYỄN THỊ LONG	15/02/1991	Khánh Hoà
297	KH-25.00297	TỪ TẤN LỘC	03/11/1996	Khánh Hoà
298	KH-25.00298	VÕ THÀNH LỘC	30/11/1991	Khánh Hoà
299	KH-25.00299	HOÀNG VĨNH LỘC	16/12/1982	Huế
300	KH-25.00300	TRẦN DUY LỘC	07/08/1998	Khánh Hoà
301	KH-25.00301	NGUYỄN PHÁT LỢI	17/11/1992	Khánh Hoà
302	KH-25.00302	CAO THANH LỢI	01/06/1987	TP Hồ Chí Minh
303	KH-25.00303	PHAN THÀNH LUÂN	30/10/1988	Khánh Hoà
304	KH-25.00304	PHAN HỮU LỪNG	08/08/1976	Khánh Hoà
305	KH-25.00305	NGUYỄN CỬU LƯỢNG	05/02/1991	Huế
306	KH-25.00306	PHAN THỊ KHÁNH LY	20/07/1993	Khánh Hoà
307	KH-25.00307	NGUYỄN THỊ ÁNH LY	23/05/1983	Khánh Hoà
308	KH-25.00308	TRẦN THANH TRÚC LY	06/06/1999	Khánh Hoà
309	KH-25.00309	TRẦN LONG KIỀU LY	10/08/1992	Khánh Hoà
310	KH-25.00310	TRẦN THỊ NGỌC LÝ	22/11/1989	Khánh Hoà
311	KH-25.00311	NGUYỄN THỊ LÝ	20/08/1977	Khánh Hoà
312	KH-25.00312	HOÀNG THỊ MAI	10/02/1987	Bắc Ninh
313	KH-25.00313	HOÀNG HỮU MẠNH	05/11/1998	Hà Nội
314	KH-25.00314	NGUYỄN THỊ NGỌC MAY	18/02/1994	Khánh Hoà
315	KH-25.00315	ĐẶNG THỊ DIỄM MI	15/01/1990	Khánh Hoà
316	KH-25.00316	NGUYỄN THỊ QUẾ MI	10/10/1993	Khánh Hoà
317	KH-25.00317	ĐOÀN THỊ MI	20/12/1993	Khánh Hoà
318	KH-25.00318	TRẦN NGỌC MINH	05/08/1996	Khánh Hoà
319	KH-25.00319	CAO VĂN MINH	19/11/1990	Nghệ An

320	KH-25.00320	HỒ QUANG MINH	14/01/1983	Khánh Hoà
321	KH-25.00321	ĐỖ TẤN MINH	16/03/1980	Đăk Lăk
322	KH-25.00322	HOÀNG THỊ MINH	04/11/1984	Khánh Hoà
323	KH-25.00323	LƯƠNG GIA CÁT MINH	28/08/1998	Khánh Hoà
324	KH-25.00324	LÊ VĂN MINH	15/03/1987	Khánh Hoà
325	KH-25.00325	H HÂN MLÔ	14/03/1993	Đăk Lăk
326	KH-25.00326	MAI THỊ TRÀ MY	26/05/1994	Khánh Hoà
327	KH-25.00327	NGUYỄN THẢO MY	28/12/1996	Khánh Hoà
328	KH-25.00328	TẠ NGUYỄN HOÀI MY	24/01/1997	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
329	KH-25.00329	LỮ NGUYỄN PHƯỚC MỸ	13/06/1999	Khánh Hoà
330	KH-25.00330	HỒ DŨNG MỸ	29/11/1983	Bình Định (nay là Gia Lai)
331	KH-25.00331	BÙI VĂN NAM	26/03/1997	Khánh Hoà
332	KH-25.00332	PHAN HUỶNH PHƯƠNG NAM	05/08/1999	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
333	KH-25.00333	NGUYỄN VĂN NINH	08/04/1996	Đăk Lăk
334	KH-25.00334	NGUYỄN XUÂN NINH	27/06/1985	Khánh Hoà
335	KH-25.00335	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	12/04/1990	Khánh Hoà
336	KH-25.00336	NGUYỄN THỊ THU NGA	31/12/1981	Khánh Hoà
337	KH-25.00337	NGÔ THỊ LỆ NGÂN	24/10/1990	Khánh Hoà
338	KH-25.00338	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	10/01/1989	Khánh Hoà
339	KH-25.00339	NGUYỄN THỊ CẨM NGÂN	25/05/1994	Khánh Hoà
340	KH-25.00340	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	12/11/2005	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
341	KH-25.00341	NGUYỄN HUỶNH KIM NGÂN	28/09/1985	Khánh Hoà
342	KH-25.00342	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG NGÂN	16/05/2003	Khánh Hoà
343	KH-25.00343	NGUYỄN TRỊNH NGHĨA	04/07/1993	Khánh Hoà
344	KH-25.00344	HUỶNH QUỐC NGHĨA	21/05/2000	Khánh Hoà
345	KH-25.00345	PHẠM THỊ NGOAN	24/09/1990	Nam Định (nay là Ninh Bình)
346	KH-25.00346	VĂN THỊ KIM NGỌC	15/02/1982	Khánh Hoà
347	KH-25.00347	TRẦN ANH NGỌC	16/01/1984	Khánh Hoà
348	KH-25.00348	NGUYỄN VY BẢO NGỌC	04/08/2003	Tiền Giang (nay là Đồng Tháp)
349	KH-25.00349	HUYỀN TÔN NỮ BẢO NGỌC	18/07/1989	Khánh Hoà
350	KH-25.00350	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	27/09/1981	Hà Nội

351	KH-25.00351	HUỶNH NGUYỄN HỮU NGỌC	23/08/1985	Khánh Hoà
352	KH-25.00352	NGUYỄN THỊ NGỌC	18/10/1994	Khánh Hoà
353	KH-25.00353	NGUYỄN HUỶNH MINH NGUYỄN	25/12/1989	Khánh Hoà
354	KH-25.00354	KIỀU MINH NGUYỄN	25/11/1982	Khánh Hoà
355	KH-25.00355	ĐỖ HỒNG NGUYỄN	20/11/1989	Khánh Hoà
356	KH-25.00356	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	05/04/1994	Khánh Hoà
357	KH-25.00357	HUỶNH THỊ KIM NGUYỆT	10/04/1981	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
358	KH-25.00358	PHẠM THỊ NHÀN	01/02/1992	Khánh Hoà
359	KH-25.00359	LÊ THỊ THANH NHÀN	14/07/1983	Khánh Hoà
360	KH-25.00360	NGUYỄN VĂN NHẬT	19/09/1995	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
361	KH-25.00361	TRƯƠNG MINH NHẬT	16/10/1980	Khánh Hoà
362	KH-25.00362	NGUYỄN THỊ Ý NHI	21/06/1994	Bình Định (nay là Gia Lai)
363	KH-25.00363	NGUYỄN THỊ Ý NHI	30/12/1997	Đăk Lăk
364	KH-25.00364	LÊ THỊ YẾN NHI	28/08/1996	Khánh Hoà
365	KH-25.00365	LƯU ĐỨC NHIỆM	20/01/1993	Khánh Hoà
366	KH-25.00366	NGUYỄN HỮU THIÊN NHO	20/04/1992	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
367	KH-25.00367	PHẠM THỊ NHỎ	18/08/1980	Khánh Hoà
368	KH-25.00368	NGUYỄN TRUNG NHƠN	28/09/1986	Khánh Hoà
369	KH-25.00369	NGUYỄN THỊ HUYỀN NHUNG	15/08/1981	Khánh Hoà
370	KH-25.00370	ĐOÀN THỊ MỘNG NHUNG	07/01/1988	Khánh Hoà
371	KH-25.00371	NGUYỄN THỊ NHUNG	10/11/1988	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
372	KH-25.00372	PHẠM THỊ THUỶ NHUNG	03/03/1992	Khánh Hoà
373	KH-25.00373	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	06/09/1991	Bình Dương (nay là TP Hồ Chí Minh)
374	KH-25.00374	HUỶNH MINH NHỰT	01/01/1986	Khánh Hoà
375	KH-25.00375	HUỶNH THỊ MỸ OANH	24/06/1990	Khánh Hoà
376	KH-25.00376	NGUYỄN NGỌC PHÁP	10/01/1993	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
377	KH-25.00377	HUỶNH THỊ PHẬY	16/03/1988	Khánh Hoà
378	KH-25.00378	NGUYỄN VĂN PHI	10/05/1990	Nam Định (nay là Ninh Bình)
379	KH-25.00379	NGUYỄN LỆ PHI	10/06/1994	Khánh Hoà
380	KH-25.00380	NGUYỄN VĂN PHONG	08/09/1995	Khánh Hoà

381	KH-25.00381	TRƯƠNG QUỐC PHONG	16/06/1979	Bình Định (nay là Gia Lai)
382	KH-25.00382	NGUYỄN HUỖNH PHONG	28/09/1989	Bình Định (nay là Gia Lai)
383	KH-25.00383	NGUYỄN VĂN PHONG	05/08/1990	Khánh Hoà
384	KH-25.00384	LÊ THỊ XUÂN PHÚ	03/09/1992	Khánh Hoà
385	KH-25.00385	LÊ CÔNG THÀNH PHÚ	28/05/1985	Khánh Hoà
386	KH-25.00386	LÊ HOÀNG PHÚC	12/01/2003	Khánh Hoà
387	KH-25.00387	HUỖNH NGUYỄN PHÚC	19/07/1987	Khánh Hoà
388	KH-25.00388	NGÔ ĐOÀN TUẤN PHÚC	08/05/1999	Phú yên (nay là Đăk Lăk)
389	KH-25.00389	LÊ THỊ HỒNG PHÚC	03/10/1987	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
390	KH-25.00390	LÊ TUẤN PHÙNG	20/06/1991	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
391	KH-25.00391	NGUYỄN THỊ PHỤNG	21/10/1993	Khánh Hoà
392	KH-25.00392	TRẦN VĂN LOAN PHỤNG	22/09/1993	Khánh Hoà
393	KH-25.00393	ÁI THỊ PHỤNG	11/11/1992	Khánh Hoà
394	KH-25.00394	CHÂU NHẤT PHƯƠNG	10/05/1983	Khánh Hoà
395	KH-25.00395	PHAN HUỖNH HẢI PHƯƠNG	03/08/1984	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
396	KH-25.00396	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/05/1983	Đồng Nai
397	KH-25.00397	BÙI THỊ TRÚC PHƯƠNG	15/09/1987	An Giang
398	KH-25.00398	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	10/06/1980	Khánh Hoà
399	KH-25.00399	NGUYỄN VĂN QUANG	26/09/1994	Khánh Hoà
400	KH-25.00400	NGUYỄN THANH QUANG	04/12/1989	Bình Định (nay là Gia Lai)
401	KH-25.00401	PHẠM XUÂN QUANG	15/04/1986	Khánh Hoà
402	KH-25.00402	TRẦN NGỌC QUANG	01/07/1990	Khánh Hoà
403	KH-25.00403	NGUYỄN VÕ DUY QUANG	06/10/1991	An Giang
404	KH-25.00404	DOÃN VĂN QUÂN	14/03/1987	Bắc Ninh
405	KH-25.00405	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	02/07/1989	Khánh Hoà
406	KH-25.00406	KIM ANH QUÂN	25/01/1984	Hà Nội
407	KH-25.00407	ĐỖ DANH QUỐC	30/09/1994	Khánh Hoà
408	KH-25.00408	TẠ THỊ THANH QUỶ	03/09/1999	Đăk Lăk
409	KH-25.00409	TRỊNH TÚ QUYÊN	07/06/2003	Sóc Trăng (nay là Cần Thơ)
410	KH-25.00410	ĐẬU THỊ QUYÊN	16/12/1983	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
411	KH-25.00411	VÕ THÁI QUYÊN	27/03/1987	Khánh Hoà
412	KH-25.00412	BÙI THỊ NHƯ QUỶNH	16/10/1991	Khánh Hoà
413	KH-25.00413	THÂN THỊ NHƯ QUỶNH	12/12/1994	Khánh Hoà

414	KH-25.00414	LƯU GIA QUỲNH	27/01/2003	Kiên Giang (nay là An Giang)
415	KH-25.00415	PHAN NGỌC NHƯ QUỲNH	16/11/1987	Khánh Hoà
416	KH-25.00416	ĐÀO NHƯ QUỲNH	14/08/1993	Khánh Hoà
417	KH-25.00417	MAI VŨ DIỆU QUỲNH	12/10/1986	Khánh Hoà
418	KH-25.00418	TRẦN VĂN SÁCH	20/08/1991	Khánh Hoà
419	KH-25.00419	ĐÌNH THỊ HỒNG SANG	19/07/1995	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
420	KH-25.00420	ĐỖ THỊ THU SANG	18/07/1990	Khánh Hoà
421	KH-25.00421	PHÙNG KIM SANG	10/02/1994	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
422	KH-25.00422	VÕ NGỌC SANG	29/08/1999	Khánh Hoà
423	KH-25.00423	BÙI HỮU SÂM	05/08/1985	Khánh Hoà
424	KH-25.00424	NGUYỄN MINH SÂM	16/11/1993	Khánh Hoà
425	KH-25.00425	NGUYỄN THỊ TRÚC SINH	20/09/1990	Khánh Hoà
426	KH-25.00426	LÊ VĂN SƠN	06/05/1991	Khánh Hoà
427	KH-25.00427	ĐẶNG HUỲNH SƠN	25/08/1997	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
428	KH-25.00428	PHẠM THẾ HOÀI SƠN	22/04/1981	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
429	KH-25.00429	HỒ MỘNG SƯƠNG	30/09/1990	Cần Thơ
430	KH-25.00430	VÕ QUANG VIỆT SỸ	08/06/1983	Khánh Hoà
431	KH-25.00431	ĐÌNH TUẤN TÀI	05/11/1979	Bình Định (nay là Gia Lai)
432	KH-25.00432	MAI THANH TÀI	27/02/1990	Khánh Hoà
433	KH-25.00433	NGUYỄN THANH TÂM	16/05/1984	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
434	KH-25.00434	LÊ MINH TÂM	01/01/1992	Khánh Hoà
435	KH-25.00435	LÊ THỊ TÂM	05/01/1985	Khánh Hoà
436	KH-25.00436	TRẦN TRỌNG TÂM	28/01/1990	Khánh Hoà
437	KH-25.00437	PHẠM HOÀNG MINH TÂM	03/10/1990	Khánh Hoà
438	KH-25.00438	VÕ THÀNH TÂM	02/04/1993	Khánh Hoà
439	KH-25.00439	NGUYỄN THỊ TÂM	06/03/1992	Đồng Nai
440	KH-25.00440	TRẦN THỊ PHƯƠNG TÂM	25/12/1995	Khánh Hoà
441	KH-25.00441	NGUYỄN HOÀNG TÂN	28/04/1998	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
442	KH-25.00442	NGUYỄN VĂN TẤN	24/08/1989	Hà Nội
443	KH-25.00443	NGUYỄN NGỌC TIÊN	26/01/1994	Khánh Hoà
444	KH-25.00444	NGUYỄN MINH TIÊN	07/07/1983	Khánh Hoà
445	KH-25.00445	PHÙNG TIẾN	23/10/1998	Khánh Hoà

446	KH-25.00446	HỒ TRUNG TÍN	06/11/1997	Bình Định (nay là Gia Lai)
447	KH-25.00447	NGUYỄN CÔNG TOẠI	06/04/1992	Khánh Hoà
448	KH-25.00448	NGUYỄN VŨ ANH TOÀN	23/03/1982	Khánh Hoà
449	KH-25.00449	NGUYỄN MINH TOÀN	30/04/1975	Khánh Hoà
450	KH-25.00450	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	15/08/1989	Khánh Hoà
451	KH-25.00451	THÁI DUY TOÁN	23/06/2004	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
452	KH-25.00452	ĐÌNH XUÂN TỎI	03/09/1992	Nam Định (nay là Ninh Bình)
453	KH-25.00453	TRẦN THỊ THANH TÚ	06/10/1989	Khánh Hoà
454	KH-25.00454	VÕ ANH TÚ	05/04/1989	Khánh Hoà
455	KH-25.00455	PHAN VĂN TUẤN	04/11/1986	Khánh Hoà
456	KH-25.00456	BÙI HỮU TUẤN	07/12/1989	Khánh Hoà
457	KH-25.00457	NGUYỄN ANH TUẤN	18/10/1989	Khánh Hoà
458	KH-25.00458	ĐẶNG QUỐC TUẤN	05/04/1994	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
459	KH-25.00459	NGUYỄN VĂN TUẤN	14/01/1995	Hải Phòng
460	KH-25.00460	NGUYỄN MINH TUẤN	25/08/1985	Hà Nội
461	KH-25.00461	NGUYỄN TUẤN	06/12/1983	Khánh Hoà
462	KH-25.00462	DƯƠNG PHƯỚC TUẤN	09/12/1988	Lâm Đồng
463	KH-25.00463	NGUYỄN THỊ MINH TUỆ	26/05/1985	TP Hồ Chí Minh
464	KH-25.00464	NGUYỄN XUÂN TÙNG	16/09/1993	Đồng Nai
465	KH-25.00465	NGUYỄN VĂN BÍCH TUYÊN	05/02/1986	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
466	KH-25.00466	VÕ THỊ BÍCH TUYÊN	26/10/1984	Khánh Hoà
467	KH-25.00467	NGUYỄN THỊ KIM TUYÊN	22/06/1984	TP Hồ Chí Minh
468	KH-25.00468	TRẦN THỊ TUYẾT	23/02/1990	Khánh Hoà
469	KH-25.00469	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	23/12/1985	Khánh Hoà
470	KH-25.00470	TRẦN NGỌC TƯỜNG	25/11/1996	Khánh Hoà
471	KH-25.00471	PHAN VÕ NHỰT THẠCH	31/12/1999	Khánh Hoà
472	KH-25.00472	LÊ THÁI	08/10/1981	Khánh Hoà
473	KH-25.00473	NGUYỄN HỒNG THÁI	08/11/1993	Khánh Hoà
474	KH-25.00474	NGUYỄN VĂN THANH	22/08/1989	Khánh Hoà
475	KH-25.00475	NGUYỄN THỊ THANH THANH	11/04/1995	Khánh Hoà
476	KH-25.00476	NGUYỄN THỊ THANH	10/05/1990	Khánh Hoà
477	KH-25.00477	ĐẶNG QUANG THANH	03/06/1982	Khánh Hoà
478	KH-25.00478	PHAN THỊ DIỄM THANH	02/04/1985	Khánh Hoà
479	KH-25.00479	NGUYỄN TRUNG THANH	15/05/1963	Khánh Hoà
480	KH-25.00480	NGUYỄN VIỆT THANH	29/01/1982	Khánh Hoà

481	KH-25.00481	MAI THỊ THANH	15/06/1990	Kon Tum (nay là Quảng Ngãi)
482	KH-25.00482	ĐẶNG VĂN THÀNH	10/12/1996	Nghệ An
483	KH-25.00483	PHẠM VĂN THÀNH	03/10/1985	Khánh Hoà
484	KH-25.00484	HUỶNH PHẠM ĐẤT THÀNH	03/12/1994	Khánh Hoà
485	KH-25.00485	CAO TIẾN THÀNH	01/09/1985	Hà Nội
486	KH-25.00486	NGUYỄN TIẾN THÀNH	25/06/2001	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
487	KH-25.00487	TRƯƠNG VĂN THÀNH	08/09/1978	Đăk Lăk
488	KH-25.00488	LÊ THỊ THÀNH	04/04/1981	Khánh Hoà
489	KH-25.00489	DƯƠNG TIẾN THÀNH	25/11/1992	Khánh Hoà
490	KH-25.00490	ĐỖ KIỀU MỸ THANH	12/12/1982	Bình Định (nay là Gia Lai)
491	KH-25.00491	NGUYỄN CHÍ THẠNH	26/02/1987	Khánh Hoà
492	KH-25.00492	LÊ TRƯƠNG MINH THAO	15/01/2000	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
493	KH-25.00493	TRẦN THANH THẢO	07/06/2004	Khánh Hoà
494	KH-25.00494	TRẦN VĂN THẢO	18/11/1998	Đăk Lăk
495	KH-25.00495	NGUYỄN MAI TIỂU THẢO	29/10/1988	Khánh Hoà
496	KH-25.00496	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/04/1986	Khánh Hoà
497	KH-25.00497	TRẦN NGỌC BÍCH THẢO	07/12/1991	Khánh Hoà
498	KH-25.00498	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/07/1998	Khánh Hoà
499	KH-25.00499	LÊ PHƯƠNG THẢO	01/12/2002	Khánh Hoà
500	KH-25.00500	VÕ THỊ BÍCH THẢO	12/03/1990	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
501	KH-25.00501	NGUYỄN THỊ THU THẢO	08/05/1992	Khánh Hoà
502	KH-25.00502	ĐỖ THỊ THU THẢO	25/12/1991	Khánh Hoà
503	KH-25.00503	PHẠM THỊ THẢO	16/04/1992	Khánh Hoà
504	KH-25.00504	NGUYỄN THỊ THU THẨM	01/05/1993	Khánh Hoà
505	KH-25.00505	PHAN TỬ THẮNG	21/08/1985	Khánh Hoà
506	KH-25.00506	NGUYỄN ĐẠI THẮNG	18/11/1996	Nam Định (nay là Ninh Bình)
507	KH-25.00507	NGUYỄN VŨ TOÀN THẮNG	19/05/1995	Hà Nội
508	KH-25.00508	NGUYỄN NGỌC THẮNG	24/02/1989	Khánh Hoà
509	KH-25.00509	ĐỖ CHIẾN THẮNG	28/04/1991	Khánh Hoà
510	KH-25.00510	TRÌNH ĐÌNH THI	13/11/1996	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)

511	KH-25.00511	NGUYỄN THỊ QUỲNH THI	18/05/1999	Khánh Hoà
512	KH-25.00512	NGUYỄN THỊ MINH THI	20/12/1992	Khánh Hoà
513	KH-25.00513	BẢO THIÊN	10/07/1990	Khánh Hoà
514	KH-25.00514	BÙI VĂN HOÀNG THIÊN	18/09/1983	Khánh Hoà
515	KH-25.00515	NGUYỄN VĂN THIÊN	10/08/1983	TP Huế
516	KH-25.00516	MAI ĐỨC THIỆU	20/01/1993	Khánh Hoà
517	KH-25.00517	NGUYỄN XUÂN THỊNH	26/02/1994	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
518	KH-25.00518	MAI TẤN THỊNH	05/01/1994	Khánh Hoà
519	KH-25.00519	NGUYỄN HỮU THỊNH	10/10/1993	Khánh Hoà
520	KH-25.00520	ĐOÀN ĐẮC THỌ	30/04/1989	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
521	KH-25.00521	NGUYỄN THỊ KIM THOA	10/06/1992	Khánh Hoà
522	KH-25.00522	NGUYỄN VĂN THOẠI	20/12/1978	Bình Định (nay là Gia Lai)
523	KH-25.00523	TRẦN HUY THÔNG	06/11/1980	Khánh Hoà
524	KH-25.00524	VÕ THỊ ANH THƠ	25/08/1992	Khánh Hoà
525	KH-25.00525	VÕ THỊ THỜI	24/08/1996	Khánh Hoà
526	KH-25.00526	NGUYỄN THỊ BÍCH THƠM	08/12/1991	Khánh Hoà
527	KH-25.00527	ĐỖ THỊ THƠM	04/12/1993	Khánh Hoà
528	KH-25.00528	HỒ THỊ NGỌC THU	21/04/2001	Khánh Hoà
529	KH-25.00529	HUỲNH THỊ TUYẾT THU	31/08/1987	Bình Định (nay là Gia Lai)
530	KH-25.00530	VÕ THỊ THANH THU	27/07/1989	Khánh Hoà
531	KH-25.00531	PHẠM THỊ THU	10/07/1985	Đồng Nai
532	KH-25.00532	TRẦN ANH THUẬN	24/04/1990	Thanh Hóa
533	KH-25.00533	NGUYỄN THỊ THANH THUẬN	02/02/1983	Khánh Hoà
534	KH-25.00534	NGUYỄN THỊ MỸ THUẬN	30/04/1980	Đăk Lăk
535	KH-25.00535	NGUYỄN THỊ BÍCH THUY	24/03/1995	Khánh Hoà
536	KH-25.00536	ĐÌNH THỊ XUÂN THUY	09/07/1986	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
537	KH-25.00537	NGUYỄN THỊ THỦY	15/12/1992	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
538	KH-25.00538	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	22/01/1973	Khánh Hoà
539	KH-25.00539	NGUYỄN THỊ THUÝ	01/12/1994	Khánh Hoà
540	KH-25.00540	NGUYỄN THỊ THANH THUÝ	24/11/1996	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
541	KH-25.00541	LÊ THỊ THUÝ	15/01/1985	Khánh Hoà
542	KH-25.00542	KIỀU THỊ THU THỦY	28/08/1994	Hà Nội

543	KH-25.00543	NGUYỄN THỊ THU THỦY	15/09/1982	Khánh Hoà
544	KH-25.00544	HUỶNH THỊ THANH THỦY	27/07/1988	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
545	KH-25.00545	NGUYỄN THỊ THU THỦY	21/10/1987	Khánh Hoà
546	KH-25.00546	NGUYỄN LÊ VĂN THỦY	10/06/1990	Khánh Hoà
547	KH-25.00547	TRỊNH VĂN THUYỀN	16/07/1990	Khánh Hoà
548	KH-25.00548	LONG THỊ THUYỀN	22/01/1999	Bắc Kạn (nay là Thái Nguyên)
549	KH-25.00549	KIM THỊ CHÂU THUYỀN	30/05/1973	TP Hồ Chí Minh
550	KH-25.00550	PHÙNG THỊ THANH THU	16/04/1990	Khánh Hoà
551	KH-25.00551	HUỶNH NGỌC HUYỀN THU	28/12/1988	Khánh Hoà
552	KH-25.00552	PHẠM DUY THỨ	11/10/1990	Khánh Hoà
553	KH-25.00553	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	25/10/1992	Khánh Hoà
554	KH-25.00554	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	22/12/1996	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
555	KH-25.00555	DƯƠNG THỊ THU TRANG	19/09/1987	Khánh Hoà
556	KH-25.00556	VÕ THỊ NGỌC TRANG	15/01/1993	Khánh Hoà
557	KH-25.00557	VÕ THỊ THU TRANG	05/04/1987	Đăk Lăk
558	KH-25.00558	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	02/07/1996	Nam Định (nay là Ninh Bình)
559	KH-25.00559	NGUYỄN HUỶNH PHƯƠNG TRANG	04/10/1987	Khánh Hoà
560	KH-25.00560	PHẠM KIỀU TRANG	21/09/1990	Thái Nguyên
561	KH-25.00561	DƯƠNG THUY TRANG	27/09/1994	Khánh Hoà
562	KH-25.00562	NGUYỄN THỊ TRANG	30/07/1990	Khánh Hoà
563	KH-25.00563	LÊ THUY TRANG	28/03/1989	Khánh Hoà
564	KH-25.00564	PHƯƠNG VĂN TRÁNG	13/04/1990	Đăk Lăk
565	KH-25.00565	NGUYỄN THỊ MINH TRÂM	08/11/1992	Khánh Hoà
566	KH-25.00566	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	18/09/1991	Khánh Hoà
567	KH-25.00567	VÕ THỊ BÍCH TRÂM	12/10/1994	Khánh Hoà
568	KH-25.00568	PHẠM THỊ BÍCH TRÂM	08/10/1986	Khánh Hoà
569	KH-25.00569	NGUYỄN THỊ KIM TRÂM	01/12/1996	Khánh Hoà
570	KH-25.00570	HUỶNH THỊ BÍCH TRÂM	13/08/1990	Khánh Hoà
571	KH-25.00571	ĐINH THỊ NHƯ TRÂN	17/02/1987	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
572	KH-25.00572	NGUYỄN TẤN TRÍ	16/12/1972	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
573	KH-25.00573	NGUYỄN TRỊ	21/04/1989	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)

574	KH-25.00574	NGUYỄN ĐOÀN KHẮC TRIỆU	05/12/1990	Khánh Hoà
575	KH-25.00575	PHẠM THỊ HOA TRINH	01/3/1984	Khánh Hoà
576	KH-25.00576	TRẦN THỊ YÊN TRINH	10/11/1997	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
577	KH-25.00577	NGUYỄN TRỊNH NGỌC TRINH	09/04/2003	Cần Thơ
578	KH-25.00578	TRƯƠNG THỊ MỸ TRINH	26/10/1990	Khánh Hoà
579	KH-25.00579	VÕ HỒNG TRINH	30/08/1986	Đồng Nai
580	KH-25.00580	XUÂN BÙI DIỆU TRINH	19/02/1999	Khánh Hoà
581	KH-25.00581	PHẠM THỊ THU TRÚC	17/09/1990	Khánh Hoà
582	KH-25.00582	TRÌNH MINH TRÚC	23/3/1987	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
583	KH-25.00583	NGUYỄN VĂN TRÚC	19/07/1985	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
584	KH-25.00584	TRƯƠNG NGUYỄN THÀNH TRUNG	09/10/1999	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
585	KH-25.00585	ĐOÀN HỒNG TRUNG	01/10/1989	Khánh Hoà
586	KH-25.00586	LƯƠNG NGỌC TRUNG	06/10/1995	Đồng Nai
587	KH-25.00587	HỒ LÊ NHẬT TRUNG	06/02/1997	Khánh Hoà
588	KH-25.00588	NGUYỄN QUANG TRUNG	20/02/1990	Đồng Nai
589	KH-25.00589	TRẦN QUỐC TRUNG	22/10/1982	Khánh Hoà
590	KH-25.00590	LÊ VĂN TRUNG	23/03/2000	Khánh Hoà
591	KH-25.00591	NGUYỄN NGỌC TRỮ	09/04/1975	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
592	KH-25.00592	NGUYỄN HOÀNG XUÂN TRỰC	05/10/1997	Khánh Hoà
593	KH-25.00593	HUỶNH TẤN TRƯƠNG	11/08/1967	Khánh Hoà
594	KH-25.00594	LƯƠNG HUY TRƯỜNG	21/02/1993	Khánh Hoà
595	KH-25.00595	LÊ VĂN TRƯỜNG	20/10/1996	Khánh Hoà
596	KH-25.00596	NGUYỄN THỊ ÚT	20/06/1990	Khánh Hoà
597	KH-25.00597	TRẦN BẢO HẠ UYÊN	22/10/1987	Khánh Hoà
598	KH-25.00598	CHÂU PHƯƠNG UYÊN	08/08/1978	Khánh Hoà
599	KH-25.00599	ĐOÀN THỊ MINH UYÊN	14/02/1997	Khánh Hoà
600	KH-25.00600	LÊ VŨ HOÀI UYÊN	13/04/1985	Khánh Hoà
601	KH-25.00601	TRƯƠNG THỊ HOÀNG UYÊN	09/11/1990	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
602	KH-25.00602	HUỶNH DUY VĂN	18/10/1980	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)
603	KH-25.00603	ĐÀO THỊ VÂN	07/08/1989	Khánh Hoà
604	KH-25.00604	LƯƠNG THỊ THÚY VÂN	09/02/1980	Khánh Hoà
605	KH-25.00605	KHÔNG THỊ HẢI VÂN	12/12/1991	Khánh Hoà
606	KH-25.00606	MAI BẢO VÂN	12/10/1984	Khánh Hoà
607	KH-25.00607	DƯƠNG THỊ TƯỜNG VI	27/07/1984	Phú Yên (nay là Đắk Lắk)

608	KH-25.00608	NGUYỄN NHẬT TƯỜNG VI	09/03/1993	Khánh Hoà
609	KH-25.00609	DƯƠNG THỊ LỆ VIÊN	01/08/1993	phú yên (nay là Đắk Lắk)
610	KH-25.00610	PHẠM HOÀI VIỄN	10/05/1988	Khánh Hoà
611	KH-25.00611	ĐINH TUẤN VIỆT	12/01/1986	Khánh Hoà
612	KH-25.00612	NGÔ VI VIỆT	12/09/1984	Hà Nội
613	KH-25.00613	LÊ ANH VIỆT	09/04/1997	Khánh Hoà
614	KH-25.00614	NGUYỄN THỊ Y VIN	16/07/1991	Khánh Hoà
615	KH-25.00615	NGUYỄN THÁI VIN	08/03/1996	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
616	KH-25.00616	MÃN TẤN VINH	22/05/1984	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
617	KH-25.00617	TRẦN QUANG VINH	15/03/1996	Khánh Hoà
618	KH-25.00618	VÕ HÀ VINH	24/12/1981	Khánh Hoà
619	KH-25.00619	NGUYỄN QUANG VINH	08/08/1992	Quảng Ngãi
620	KH-25.00620	ĐỖ KHÁNH VĨNH	30/08/1983	Khánh Hoà
621	KH-25.00621	NGUYỄN NGỌC VŨ	03/05/1988	Khánh Hoà
622	KH-25.00622	NGUYỄN MINH HOÀNG VŨ	19/03/1987	Khánh Hoà
623	KH-25.00623	NGUYỄN NGÔ ANH VŨ	3/4/1982	Khánh Hoà
624	KH-25.00624	HÀ NGỌC VŨ	10/06/1981	Khánh Hoà
625	KH-25.00625	TRẦN ANH VŨ	07/08/1981	Khánh Hoà
626	KH-25.00626	NGUYỄN LÊ TƯỜNG VY	18/02/2001	Lâm Đồng
627	KH-25.00627	TRƯƠNG TRIỆU VY	24/11/2001	Khánh Hoà
628	KH-25.00628	HOÀNG THỊ XUÂN	10/04/1990	Ninh Bình
629	KH-25.00629	PHAN THỊ THANH XUÂN	02/12/1980	Khánh Hoà
630	KH-25.00630	PHAN THỊ NHƯ Ý	17/08/1984	Khánh Hoà
631	KH-25.00631	HÀ THỊ THÙY Ý	13/03/1991	Khánh Hoà
632	KH-25.00632	VŨ THỊ YẾN	15/11/1980	Hà Nội
633	KH-25.00633	NGÔ THỊ LỆ BẢO YẾN	17/11/1991	Khánh Hoà
634	KH-25.00634	BÙI DUY BINH	16/03/1991	Khánh Hoà
635	KH-25.00635	ĐẶNG MINH CƯỜNG	14/04/1979	Đắk Lắk
636	KH-25.00636	NGUYỄN HOÀNG DUYÊN	07/08/1992	Khánh Hoà
637	KH-25.00637	VŨ PHÚ ĐẠT	16/05/1987	Khánh Hoà
638	KH-25.00638	LỤC HÀ GIANG	15/06/1985	Hà Nội
639	KH-25.00639	HUỲNH THỊ KIM HÀ	06/01/1973	Khánh Hoà
640	KH-25.00640	NGUYỄN THỊ HÀ	10/12/1988	Khánh Hoà
641	KH-25.00641	ĐINH XUÂN HIẾU	10/07/1995	Bình Định (nay là Gia Lai)
642	KH-25.00642	NGUYỄN HOÀI KHẮC HUY	20/09/1987	Khánh Hoà
643	KH-25.00643	LÊ NGUYỄN KHÁNH	16/03/1999	Khánh Hoà

644	KH-25.00644	LÊ NGỌC MAI LY	10/05/1993	Khánh Hoà
645	KH-25.00645	UNG THỊ NGỌC LÝ	25/07/1983	Khánh Hoà
646	KH-25.00646	ĐOÀN THỊ THANH LÝ	01/10/1981	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
647	KH-25.00647	VÕ ĐÌNH MINH	03/09/1987	Khánh Hoà
648	KH-25.00648	NGUYỄN THỊ HOÀNG NGÂN	04/09/1994	Khánh Hoà
649	KH-25.00649	LƯU THỊ THÚY NGÂN	25/01/2000	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
650	KH-25.00650	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	10/02/1992	Đồng Nai
651	KH-25.00651	TRẦN HOÀI NHÂN NGUYỄN	21/10/1988	Khánh Hoà
652	KH-25.00652	NGUYỄN THỊ MỸ NHUNG	15/03/1992	Khánh Hoà
653	KH-25.00653	PHẠM THỊ NHUNG	05/01/1984	Khánh Hoà
654	KH-25.00654	TRẦN THỊ HỒNG PHẤN	15/02/1999	Khánh Hoà
655	KH-25.00655	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	17/02/1995	Khánh Hoà
656	KH-25.00656	NGÔ TẤN PHÚC	20/01/1993	An Giang
657	KH-25.00657	VÕ THỊ DIỄM PHƯƠNG	28/08/1994	Khánh Hoà
658	KH-25.00658	LÊ PHÚC QUÝ	13/10/1999	Khánh Hoà
659	KH-25.00659	TRẦN THỊ NHƯ QUÝ	19/04/1990	Khánh Hoà
660	KH-25.00660	LÊ XUÂN QUÝ	30/06/1994	Khánh Hoà
661	KH-25.00661	NGUYỄN VĂN SANG	22/08/1987	Khánh Hoà
662	KH-25.00662	NGUYỄN CÔNG SINH	24/11/1984	Khánh Hoà
663	KH-25.00663	TRƯƠNG CAO SƠN	12/09/1983	Khánh Hoà
664	KH-25.00664	CÙ CHÍNH TÂM	14/06/1979	Khánh Hoà
665	KH-25.00665	NGUYỄN TRUNG THÀNH TÂM	03/10/1993	Khánh Hoà
666	KH-25.00666	PHẠM TĨNH	14/01/1994	Hà Tĩnh
667	KH-25.00667	TRẦN VĂN TOÀN	30/09/1995	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
668	KH-25.00668	NGUYỄN THANH	02/08/1968	Khánh Hoà
669	KH-25.00669	HOÀNG THỊ THỦY	12/04/1987	Khánh Hoà
670	KH-25.00670	HUỲNH THANH THUÝ	24/12/2003	Long An (nay là Tây Ninh)
671	KH-25.00671	DƯƠNG QUỐC TRINH	19/06/1987	TP Hồ Chí Minh
672	KH-25.00672	TRỊNH CÔNG VŨ	20/02/1989	Khánh Hoà
673	KH-25.00673	NGUYỄN MINH VƯƠNG	17/05/2003	Long An (nay là Tây Ninh)
<b>II. Cấp lần thứ hai</b>				
1	0018-tỉnh Khánh Hòa	NGUYỄN THẾ ANH	24/02/1977	Khánh Hoà
2	KH-00176	VÕ QUỐC ANH	30/03/1992	Khánh Hoà
3	KH-00406	NGUYỄN XUÂN BÁCH	14/08/1991	Khánh Hoà
4	KH-00449	NGUYỄN QUANG CẢNH	26/02/1984	Khánh Hoà

5	KH-00661	NGUYỄN PHI CƯỜNG	24/01/1984	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
6	KH-00035	ĐỖ KIM CƯỜNG	01/03/1985	Khánh Hoà
7	KH-00667	VÕ THỊ THUÝ DIỆU	19/02/1988	Khánh Hoà
8	KH-00193	NGUYỄN VIỆT DŨNG	27/11/1989	Khánh Hoà
9	KH-00455	TRƯƠNG NHẬT ĐĂNG	28/02/1995	Gia Lai
10	KH-00460	NGUYỄN MINH ĐỨC	01/01/1986	Khánh Hoà
11	KH-00470	HOÀNG NGỌC GIANG	19/06/1990	Khánh Hoà
12	KH-00473	NGUYỄN THANH HẢI	11/01/1985	Khánh Hoà
13	KH-00481	NGUYỄN THUỶ MỸ HẠNH	10/05/1984	Khánh Hoà
14	KH-00677	HOÀNG THỊ THUỶ HẰNG	12/07/1987	Khánh Hoà
15	KH-00485	NGUYỄN THUỶ SƠN HIỀN	19/09/1987	Khánh Hoà
16	KH-00358	PHAN HIỀN	18/02/1992	Khánh Hoà
17	KH-00359	PHẠM ĐỨC HIỂN	15/11/1980	Khánh Hoà
18	KH-00362	NGUYỄN QUANG HUẤN	08/09/1987	Khánh Hoà
19	KH-00413	LÊ THANH HÙNG	28/09/1990	Khánh Hoà
20	KH-00226	TRẦN NHƯ HUYỀN	09/01/1986	Khánh Hoà
21	KH-00689	ĐẶNG NGỌC HÙNG	03/01/1996	Khánh Hoà
22	KH-00418	NGUYỄN MAI LINH	26/03/1993	Khánh Hoà
23	KH-00517	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	17/01/1984	Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa)
24	KH-00375	KIỀU NGỌC LONG	28/01/1986	Khánh Hoà
25	KH-00419	NGUYỄN TRỌNG LỢI	31/03/1991	Khánh Hoà
26	KH-00105	HOÀNG THỊ KHÁNH LY	10/05/1989	Khánh Hoà
27	KH-00718	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	17/06/1993	Khánh Hoà
28	KH-00115	PHẠM TRẦN THẢO NHỊ	04/02/1988	Khánh Hoà
29	KH-00263	NGUYỄN THỊ XUÂN OANH	03/12/1990	Khánh Hoà
30	428 - Tỉnh Khánh Hòa	LÝ THỊ THÙY PHƯƠNG	28/08/1985	Khánh Hoà
31	KH-0020	NGUYỄN THỊ TÂM	01/10/1981	Khánh Hoà
32	KH-00391	TRẦN THANH TẤN	27/11/1993	Khánh Hoà
33	KH-00393	LÊ NGUYỄN MINH TIẾN	12/04/1993	Khánh Hoà
34	KH-00785	LÊ VƯƠNG TÔNG	21/11/1985	Khánh Hoà
35	KH-00435	NGUYỄN NGỌC QUANG TÚ	17/11/1987	Khánh Hoà
36	KH-00398	NGUYỄN ANH TUẤN	21/05/1991	Khánh Hoà
37	KH-00135	PHAN CAO ANH TUẤN	26/05/1992	Khánh Hoà
38	KH-00318	TRƯƠNG PHƯỚC TỶ	28/06/1990	Khánh Hoà
39	KH-00574	NGUYỄN BÁ THÀNH	16/05/1980	Phú Yên (nay là Đăk Lăk)
40	KH-00138	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN THẢO	17/05/1988	Khánh Hoà

41	KH-00580	TRẦN NGỌC THẬT	29/08/1982	Bình Thuận (nay là Lâm Đông)
42	KH-00772	HỒ MINH THUY	19/08/1986	Khánh Hoà
43	KH-00145	VÕ NGUYỄN THU	14/08/1994	Khánh Hoà
44	KH-00434	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	20/09/1975	Khánh Hoà
45	KH-00615	PHAN ĐÌNH TRÌNH	23/06/1981	Khánh Hoà
46	KH-00436	ĐÀO THỊ TỐ UYÊN	17/05/1979	Khánh Hoà
47	KH-00323	HỒ THỊ THUY VÂN	18/11/1991	Khánh Hoà
48	KH-00322	NGUYỄN NGỌC BẢO VÂN	20/04/1982	Khánh Hoà
49	KH-00026	HOÀNG NGỌC ANH VIỆT	12/12/1982	Khánh Hoà
50	KH-00334	PHẠM THỊ KIM YẾN	20/09/1983	Khánh Hoà